

8°
INDO-CHINOIS

1038

QUỐC-HOA TÙNG-SAN

DEPT LEGAL
• INDOCHINE •

Nº 1692

DANH - NHÂN DẠT - SỰ

QUYỀN NHẬT

RÉSIDENCE

Những bậc anh-hùng hảo-
kiệt là giường cột để chống
vững giang-sơn lỗ-quốc.

Giá : 0\$16

(C.)

Sách đã xuất-bản

Thời-bệnh luận I	0.08
Sách quốc-ngữ dạy trẻ	0.05
Danh-nhân đất-sự I	0.16

DANH-NHÂN ĐẤT-SỰ



I

Ông Nguyễn-bình-Khiêm
tức Trạng Trình

Ông Nguyễn - hữu - Cầu
tức Quận Hảo

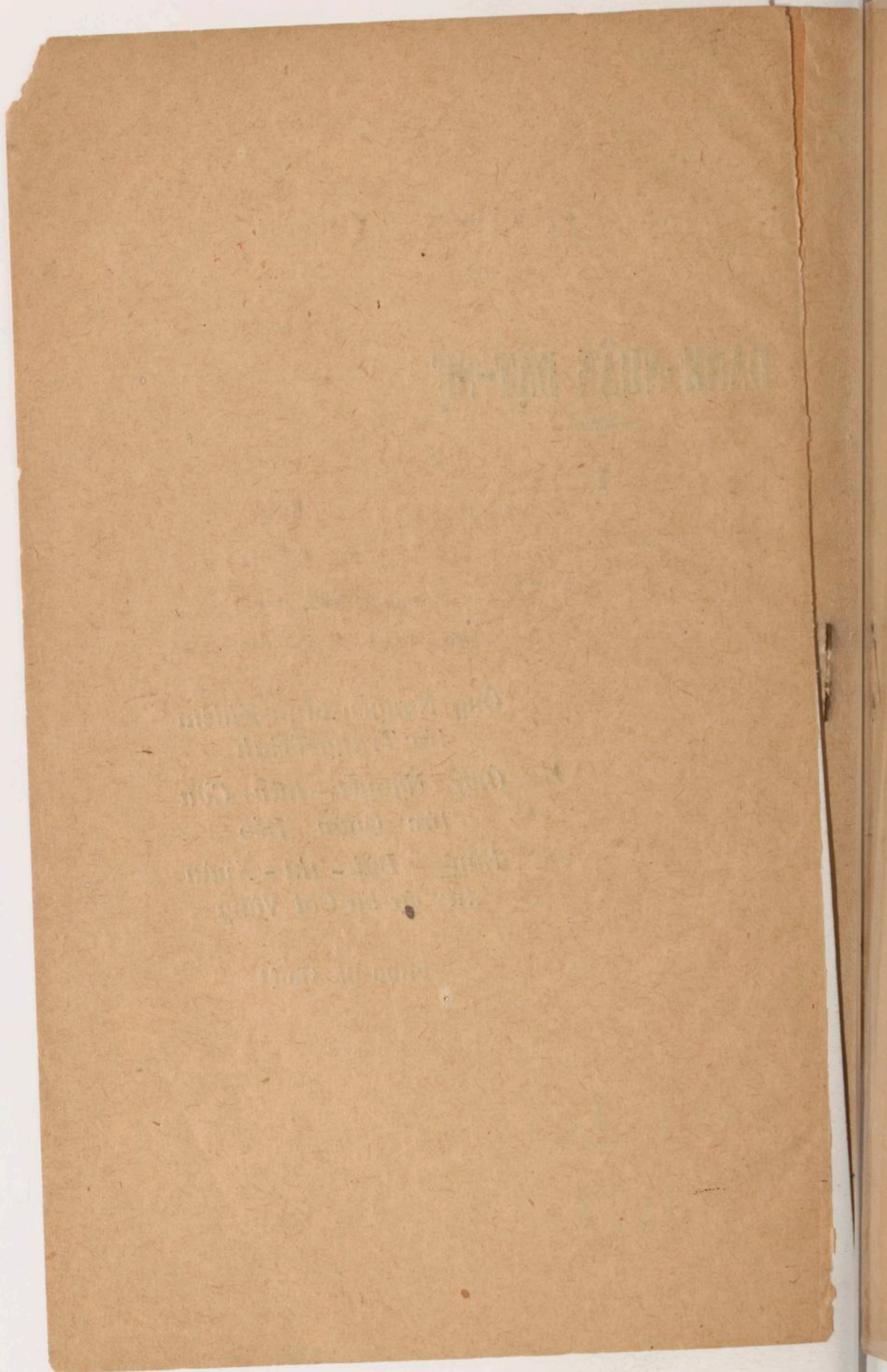
Nàng Bùi - thị - Xuân
tức vợ ba Cai Vàng

*

* *

PHỤC-BA thuật

80⁹ Indoch.
1038



LỜI NÓI ĐẦU



Nước cũng như người, cần phải có linh-hồn
Người mất linh-hồn, người không còn ra người
Nước mất linh-hồn, nước không gọi là nước.
Linh-hồn của nước, ấy là những bậc anh-hùng
liệt-nữ tức như tấm gương phản-chiếu để người
đời sau soi chung. Tuy nay những bậc ấy, hồn
đã về chín suối, tiếng cách nghìn thu, song ảnh-
hưởng hãy còn hiển nhiên chẳng lẽ ta lại không
nghĩ tới... Bởi thế nên bộ Danh-nhân dật-sự
này ra đời mong góp chút bổ-ích cho các bạn
niên thiếu. Chuyện là chuyện nước nhà, linh-
hồn nước là linh-hồn chung, ta há lại chẳng
nên làm cho chuyện được phổ-thông, cho linh-
hồn được phấn-khởi hay sao ?

P. B.

Khi còn nhỏ, đã nhiều người giam
hỏi, song bà không chịu lấy ai cả :

*Lộc còn ẵm bóng cây tùng,
Thuyền-quyên đợi khách anh hùng
vãng lai.*

Một hôm nhân bà đi có việc, gặp ông
Văn-Định, ngắm tướng có quý tử, nên
hai bên ước nhau kết tóc sắt cầm, về
nhà thừa truyến cùng song đường chỉ
đợi ngày hành lễ... Lại một hôm kia, bà
phải sang thăm người bà con, khi qua
đò Tuyết-giang bà gặp một vị công tử,
mặt mũi khôi ngô mà râu chững chạc
thật là :

*Đường đường một đấng anh hào,
Còn quyền đủ sức lược thao gồm tài.*

Sau hỏi ra mới biết là Mạc-đăng-Dung,
bà cũng có ý phản nản, giận duyên tử
phận, trách mình không gặp được người
hào kiệt trượng phu để cùng kết duyên
Tần Tấn, cái kiếp hồng nhan thôi đành
như vậy.

Đến năm sau thi làm lễ thành hôn, hai vợ chồng ăn ở cùng nhau rất là đầm ấm, nên cuối năm đã có thai, quả nhiên sinh ra quý-tử : Bình-Khiêm, tai to mắt nhọn, vai rộng lưng giải, trông thật ra vẻ tiên-tri tiên-giác.

Bình-Khiêm còn bé, song đã là người có tài, trời sai xuống giúp nước thì dù gặp nguy-hiểm thế nào cũng có giang-sơn a hộ.

Như một hôm phu-nhân bế con đi qua bến dò, gặp giờ mưa, lấy chảo đội lên đầu, người lái dò trông thấy ngăn lại khuyên không nên qua giang. Phu-nhân hỏi tại sao, người kia đáp: «Đêm mới rồi thần báo mộng cho tôi rằng : Ngày nay hễ có người nào đội nón sắt, đừng cho sang dò ».

Bà nghe lời ở lại, ngờ đâu chuyến dò ấy gặp trận phong ba đánh đấm, nhưng người lái dò biết trước đề-phòng, may cũng khỏi hại. Xem thế biết Bình-Khiêm chính bậc thánh thần giờ mới giáng sinh, chứ không phải thường nhân vậy.

Ông sinh chưa đầy một năm đã biết nói. Nhân khi giời vừa sáng, ông Văn-Định bế ra ngô chơi, ông ngửa mặt lên xem giời, tự nhiên nói một câu *nhật xuất Đông phương*, (nghĩa là mặt giời mọc phương Đông). Ông Văn-Định lấy làm lạ. Lại đến năm lên bốn, phu-nhân thử lấy nghĩa kinh, nghĩa truyện dạy con thì bảo đến đâu nhớ đến đấy, ông nhớ cả mọi bài thơ nôm, đọc chẳng sai một chữ.

Một ngày phu-nhân đi vắng, ông Văn-Định cầm gậy tre đùa với con, ngâm bốn một câu rằng: «*Nguyệt treo cung nguyệt treo cung*» đang đọc dở dang thì ông liền họa thêm một câu: «*Vịn tay tiên nhần nhần dung*» Khi phu-nhân về ông Văn-Định đọc lại cho phu-nhân nghe có ý khoe con có tài. Phu-nhân giận bảo rằng: «*Nguyệt là tướng bầy tôi, sao ông lại dạy con ông câu ấy, tôi tưởng con ông ngày sau làm nên đến thế nào, chứ làm tôi người ta, thời không xứng ý tôi.*»

■ Bà giận bỏ về quê cha ở.

Ông Văn-Định biết có lỗi, và cố lưu phu-nhân lại để được một nhà đoán viên, nhưng phu-nhân quyết ý không nghe.

Khi đi, ông Văn-Định bế con chạy theo nói:

— Tôi tình phụ gì mà lại tình phụ tôi như vậy, tự nghĩ tôi không có tài tranh vương đồ bá làm nên vinh hiển để được muôn-chung nghìn tứ cùng hưởng với nhau, tôi nghĩ lấy làm thẹn lắm; nhưng may nhờ giới được chút con này một mai chắc nó cũng làm nên, nhờ con chẳng vinh hạnh hơn nhờ tôi hay sao?

Phu-nhân đáp :

— Thực tôi không có tình phụ gì, tôi chỉ ân hận về cái duyên tôi chẳng ra gì. Ừ, đã đánh như vậy, nhưng không chắc con ông có phải là anh-hùng hay không? Tôi xem cơ hội nhà Lê gần suy, giang-sơn nước Nam rồi lại vào tay nhà Mạc, vận nước như vậy, ông như vậy, con ông lại như vậy, tôi còn có hy-vọng gì nữa?

Nói xong rút áo ra đi.

Bấy giờ ông Văn-Định lòng càng thồn
thức, dạ càng ngẩn ngơ, thương con tuổi
hãy ngây thơ, việc nhà việc trổ biết nhờ
tay ai, thở vắn than dài, một bố một con
nghĩ tình cảnh ấy càng thêm đau ruột.
Nhân khi Bình-Khiêm đương ngồi học,
sực nhớ đến mẹ, hỏi cha sao mẹ đi
đâu mãi không về? Ông Văn-Định đáp:
«Mẹ con ở bên ông ngoại chứ có về đây
nữa đâu». Bình-Khiêm chu lên khóc mà
hỏi :

— Mẹ giận vì nỗi gì ?

— Giận cha và giận cả con.

-- Con có lỗi gì đâu mà mẹ giận ?

— Giận vì cha con không làm nên
được vương tướng gì, vậy con nên cố
trí học hành, may được chiếm bảng
khôi-nguyên, để mẹ con trông thấy, thì
ta mới yên dạ.

Bình-Khiêm nghe nhời từ đấy chăm
học. Nhân buổi chiều rồi, đủ bạn trẻ ra
tắm ở bến sông, có người tương-sĩ nước
Tàu đi thuyền qua thấy Bình-Khiêm
có tướng lạ, bảo rằng sau tất đỗ

đến Trạng-nguyên, làm nên Tể-tướng,

Khi ấy Bình-Khiêm còn để trái đào, đã có khí khái khác thường, ai cũng bảo ngày sau tất làm nên sự nghiệp vĩ-dại.

Bình-Khiêm nghe tiếng cụ Lương-đắc-Bằng (đỗ Bảng-nhãn người tỉnh Thanh-hóa) đạo đức văn-chương đáng là bậc mô-phạm, bèn xin cha vào Thanh hóa học. Ông Văn-Định nói: Cụ Lương, thực xứng đáng là ông thầy, nhưng con còn ít tuổi, đi xa thời cha không đành lòng.

Bình-Khiêm thưa :

— Con đã biết mẹ đi vắng, việc nhà quản-cổ có một mình cha, đáng lẽ con ở nhà để tiện thân hôn, nhưng ngại về phần học-hành của con, không biết bao giờ tấn tới, xin cha yên lòng để con đi học, còn bảo đáp sau này .

Cha ưng nhời, giận rằng :

— Con đi cố mà học, việc nhà đã có cha, khi nào học rồi, xin phép thầy về thăm cha.

Ông xếp quần áo sách vở xin cáo biệt.
Bước đi một bước tần ngần,
Đoái trông muôn dặm tử-phần xa xa.
Mấy hàng giọt lệ châu sa.
Thông huyền hai ngã biết là có người.
Đoạn rồi tìm đến chỗ cụ Lương-đắc-Bằng vào làm lễ bái môn.

Cụ thấy một chàng trẻ tuổi, vào xin học liền hỏi :

— Mi người ở mò ?

— Thừa thầy quê con ở làng Trung-am ngoài Bắc.

— Mần rằng con mới từng này tuổi đã biết vô trong nì tìm chỗ học ?

— Bẩm con nghe tiếng thầy đã lâu, nên con tới đây đem dầu làm lễ, nhờ thầy tác thành cho, con xin cảm tạ.

— Con có trí học ta có tiếc chi.

Ông Bình - Khiêm tuy người hầy còn nhỏ, song thông-minh hết bực học một ngày một tiến, nghĩa lý tinh vi, học dầu biết đấy. Cụ Lương khen là đại-tài. Nhân trước cụ đi sứ nhà Minh được bộ «*Thái-ất thần-kinh*» của người họ là con cháu

ông Lương-nhữ-Hốt ở bên Tàu trao cho, bên đem kinh ấy truyền cho Bình-Khiêm — Bình-Khiêm xem thấu hiểu được cả các lẽ huyền-bí.

Khi ông học đã tốt-nghiệp, cũng tưởng mình gặp thái-bình đem cái tư-tưởng học-thuật ấy ra mà thi thố, trước là tri trạch sau là hiển dương, cho khỏi phụ công đèn sách. Nào ngờ đâu, giới đất nổi cơn gió bụi, khách tài tình lại gặp bước gian truân, ngăn cho đời mà lại tiếc cho mình, càng nghĩ bao nhiêu lại càng đau gan tức dạ.

Đương-quang năm Thống-nguyên, vua Chiêu-Tôn tuổi mới mười lăm, Trịnh-Tuy và Mạc-đăng-Dùng đều có trí cướp quyền nhà Lê, tuy ngoài mặt vẫn làm tòi nhưng kỳ thực âm mưu nổi loạn. Người Tuy thống với quân giặc là Nguyễn-Kính dựng Lê-Từu, chiếm hiệu Thiên-hiến ; người Dung đem binh giết người Từu, đuổi người Tuy vào Thanh-hóa. Vua Chiêu-Tôn phải chạy ra châu Lương-chính, bấy giờ trong nước rối loạn.

Đùng đùng nổi trận binh qua,
Thiếu gì cô-quả thiếu gì bá-vương.

Cuộc đời xoay như bàn cờ, rồi như
vòng tơ, sôi như vạc nóng, biết bao giờ
cá gặp nước, rồng gặp mây, ông nghĩ
thế nên thà nấu mình chỗ thôn-quê, lấy
gió giảng làm bạn, lấy sách vở làm vui,
cho qua ngày đoạn tháng.

Nhân có mấy bài thơ cảm khái

I

Ba bài thơ nôm

Lần thân ngày qua tháng qua,
Một phen xuân một phen già.
Ái ưu vắng vặc giảng in nước,
Đanh lợi lằng lằng gió thổi hoa.
Yên sách hãy còn yên sách cũ,
Nước non bạn với nước non nhà.

II

Một mai một cuộc một liềm giao,
Thơ thân dù ai vui thú nào.
Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây ta hãy uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.

Sinh sự làm chi cho phải lo,
Chẳng bằng vô sự gáy o o.
Tay kia khéo nắm còn khi mở,
Miệng nọ hay thì lại phải ho.
Chưa thua gặp thời mèo đuổi khỉ,
Đến khi thất thế kiến tha bò.
Được thua sau mới ăn năn lại,
Vô sự còn hơn có sự do.

Một bài thơ chữ

Thái-hòa vũ-trụ bắt Ngu Chu,
Hộ chiến gia tranh tiểu lương thù.
Xuyên huyết sơn hải tùy xứ hữu,
Uyên ngư tòng tước vị thủy khu.
Trùng hưng rĩ bộc độ giang mã,
Hậu hoạn ưng phòng nhập thất khu.
Thế sự đảo đầu hưu thuyết trước,
Túy ngâm trạch bạn nhậm đồng du.

Sau Mạc-dăng-Dung giết vua Chiêu-Tôn ở Đông-hà, chiếm ngôi trời, niên hiệu Minh-Đức, lập triều ban, mở khoa thi Đình, sau truyền ngôi cho con là Đăng-Doanh, kiến nguyên Đại-Chính, giặc trong nước đã được tiếm an, mở khoa thi Hương thi Hội.

Khi ông Bình-Khiêm về vui thú cùng giảng giò thì tuổi đã bốn mươi tư, bạn hữu khuyên rằng :

« Giang-sơn nhà Lê đã về nhà Mạc, ta gặp thời nào theo kỷ cương ấy, như ông học có danh tiếng, có lẽ bỏ củi ngồi yên một chỗ, thời cái công phu học từ đây tới nay chẳng hoài lắm du ư ? »

Ông lặng ngắt, tự nghĩ : « Cha mẹ sinh ra mình, cũng mong cho mình thành đạt, chẳng may sinh không gặp thời, lần lần lửa lửa, ngày tháng thoi đưa, tính đốt ngón tay xuân thu đã nửa đời người, ngồi mà đợi đến khi vận hội nhà Lê trung-hưng thời tuổi đã già, còn làm gì được nữa. Có khi biến có khi thường, tông quyền nào phải một đường chấp kinh, chẳng kể gì công danh nhưng cũng quyết phen này giả cho xong nợ đèn sách. »

Ông nghĩ thế nên niên-hiệu Đại-chính năm thứ sáu, ông ứng cử bốn kỳ đều quán trường, thi đình đỗ Trạng-nguyên, nhà Mạc trao cho chức Đông các đại-học-

sĩ, làm quan trải tám năm, dăng sớ hạch
lũ quyền-thần cả thấy mười tám người,
sau nhân có chàng đề là Phạm-Bao lộng
quyền kiêu hoành, ông sợ vạ lây, thác
bệnh lòa xin về hưu-trí.

Khi về ông dựng am Bạch-vân ở bên
tả làng, đắp cầu Nghinh-phong, cầu Tràng-
xuân, thường ra đó hóng mát; lại
lập quán Trung-trân ở bến Tuyết-giang
làm bia đá để ghi sự-trạng. Ông lại sửa
cả chùa thờ Phật ngày cùng với Lão-tăng
đám kinh giảng kệ, khi thì qua Kim-
hải, Úc-hải phiếm thuyền câu cá, khi
thì lên An-tử, Ngọa-vân xem núi đề thơ,
truyện đời dâu dấy gác ngoài tai, bạn
cùng non nước cỏ hoa là thích trí.

Nên có thơ :

*Từng trải gian nguy đã mấy phen,
Thân nhàn phúc lại được về nhàn.
Niềm xưa trung ái thể không phụ,
Cảnh cũ điền viên thú đã quen.
Ba quyển đồ thư thu nặng túi,
Một thuyền phong nguyệt chở đầy sen.
Giời kia cũng biết nơi lành dữ,
Họa phúc chẳng dung cái tóc chen.*

Kẻ làm quan đã có duyên,
Tội lui mặc phận tự yên.
Thân xưa hương-hỏa chung còn ước,
Chỉ cũ công danh đã phỉ nguyện.
Trẻ mà sang ấy là phúc,
Già được mạnh hăn là tiên.
Cho về cho ở dù mặc chúa,
Ngại bước chen chân đám cửa quyền.

..

Khéo kiểm song le lại cả tiêu,
Cho nên cửa ít nghĩa thời nhiều.
Nghĩa nhiều vì bởi hay dung đãi,
Cửa ít nhân chưng biếng chắt chiu.
Bản tính chẳng từng quen nhiệm nhặt,
Nghĩ mình đã trải sự sương siêu.
Bốn mùa đều hưởng thiên nhiên lộc,
Thong thả ngồi chơi cõi Thuần, Nghiêu.

Ông xem rộng cả các sách và biết tiền
định. Cứ theo truyện sau này thì rõ :

Bùi-Sinh là học-trò ông nhà nghèo,
thường thiếu bát ăn, ông bảo sau này tất
phú quý. Đến khi Bùi-Sinh đã già, vẫn
còn nghèo hèn, cho là ông đoán số sai.
Ông cười không nói gì, rồi bảo Bùi-Sinh
mượn lấy chiếc thuyền ra bến đò Hồng-

đám, bề Vạn-ninh, mà đánh cá và dẫn
hẽ gặp cái gì cũng thu lấy đưa về, đừng
nên tiếc sức, Bùi-Sinh tuân lời mượn
thuyền ra bề, một hôm gặp bà già quần
áo đẹp tốt, ra dáng người Tàu, thuyền bát
phong đến đấy, Bùi-Sinh đem về phụng-
dưỡng. Được mấy hôm có quan Tổng-
đốc tỉnh Quảng-đông sai người sang tàu
với vua nước ta rằng:

« Thái-phu-nhân chơi bề bị cơn phong
ba không biết bát đi nơi nao, xin vua
nghĩ đến lân-bang, hạ chiếu cho dân
làng ở gần bề có thấy xác người đàn
bà Tàu thời vớt hộ cho .»

Ông nghe tin, gọi Bùi-Sinh bảo :

Anh phú quý đã đến nơi rồi đó, anh
dem bà lão ấy nộp nhà vua, để tư sang
cho quan Tổng-đốc tỉnh Quảng-đông biết.

Bùi-Sinh mừng rỡ đem nộp, được
phong chức tước, và được thưởng vàng
bạc. Đương anh đồ xác, tự xưng được
hưởng giàu sang, thực là kỳ duyên vậy.

Kinh Dịch thì ông lại học thâm thúy

hơn, cho nên tinh về thuật số, các việc trai-trường họa-phúc cũng là ngày mưa, ngày gió, đại-hạn, thủy-tai, ông đều biết trước. Người mù học hát học bói ông dạy cho có nghề để sinh nhai. Học-trò ông cũng nhiều người như ở Tuyết-giang, thì có ông Lương-hữu-Khánh là con cụ Lương-đắc-Bằng và ông Phùng-khắc - Khoan, ông Nguyễn - Rữ, ông Trương-thời-Cử.

Ông Thời-Cử bói Dịch được quẻ kiên đến hỏi, ông bảo tám đời sau có nạn qua, sau quả nghiệm.

Ông Nguyễn-Rữ đi ẩn không ra làm quan, làm một truyện «Truyền-kỳ» đưa ông phủ-chính, sách ấy cũng là thiên-cổ kỳ-bút của nước ta.

Ông Khoan theo học ông đã được tốt nghiệp, một hôm ông gõ cửa nói: «Giời đã sắp rạng đông rồi sao không trở dậy, còn nằm chi mãi?»

Ông Khoan hiểu ý, bèn từ biệt vào Thanh-hóa, theo ông Nguyễn-Kim giúp nhà Lê.

Lại một hôm có một người học-trò đến hầu.

Ông hỏi :

— Năm nay lúa có tốt không?

— Bẩm mùa này được năm mẫu lúa tốt lắm ạ.

— Đã gần được gặt chưa?

— Bẩm cuối tháng được gặt.

— Anh về gặt ngay đi, sau này bán lúa non đắt lắm, đừng ngại.

Anh ta về bán với vợ, vợ bảo lúa gần được ăn mà đem gặt non là lẽ gì và khuyên chồng không nên nghe lời. Anh học-trò đem thuật lại nhờ vợ nói cho ông nghe.

Ông bảo: «Anh cứ nghe tôi, đàn bà nói mặc kệ họ»

Anh ta lập tức về mượn người gặt không cho vợ biết, khi gặt xong vợ thấy gánh lúa non về nhà, máu nóng bốc lên mặt, phát phong phát vũ, mắng chồng rằng: «Người dâu đại thế, lúa đương vào mây, nỡ đang tay mà gặt non về cho hại

của giới, cho xót lòng tôi! Nhà an tiêu như vậy lấy gì mà ăn, lấy gì mà tiêu, sao anh nghe đại thế? Thấy trò nhà anh thật khéo xui nhau..... »

Ông nghe thấy gọi chị ta ủy dụ rằng:

— Thôi chị bằng lòng vậy, mất bao nhiêu lúa để thầy đèn.

Được mấy hôm kinh-đô Thăng-long bị dịch voi, vua sức cho thiên-hạ ai có thuốc chữa được voi khỏi dịch, sẽ được ban thưởng.

Ông biết tin gọi vợ chồng anh ta bảo đem cái lúa gặt non ấy ra Hanoi mà bán cho nhà vua chữa chừng voi dịch ắt được phát tài. Vợ chồng nghe lời đem đi bán quả nhiên được ban thưởng. Tự đấy nhà nho bồng rưng được phú quý cực điểm. Chị ta đến tạ, ông cười mà rằng:

— Nay còn bắt đèn thầy nữa không ? còn mắng anh ấy nữa không?

Chị ta kêu xin thứ lỗi.

Đương lúc ông tri-sĩ, nhà Mạc vẫn tồn

làm Quân-sư, có việc gì quan trọng thường sai sứ đến hỏi tậ nhà, hoặc khi mời đến kinh hỏi đại kế, ông bàn định cũng nhiều điều ích lợi, nhà Mạc phong cho Trình-tuyền-hầu, kế phong Lại-bộ Thượng-thư Thái-phó Trình-quốc-công.

Sau nhà Lê vua Trang-Tôn kiến-nghiệp trung-hưng, vua Trung-Tôn nối ngôi không có con, Trịnh-Kiểm cầm quyền có ý hồ nghi chưa biết dựng ai lên nối ngôi, hỏi ông Khoan, ông Khoan không dám quyết, cậy ông Khoan sai người nhà cẩn-tín đem lễ đến Hải-dương vào yết-kiến ông hỏi mưu kế ; ông không đáp ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng :

— « Năm nay mất mùa bởi tự giống lúa không tốt, chúng mày gieo mạ nên trợn giống cũ ».

Nói rồi sai người tiểu quét dọn chùa đốt hương để ra văn cảnh, và bảo tiểu có muốn ăn cơm thì phải cúng Phật, ý nói phải nên dựng con cháu nhà Lê.

Sứ giả về nói với ông Khoan, ông Khoan đến bảo Trịnh-Kiểm mưu với

ông Nguyễn-Hoàng dựng ông Lê-duy-Bang lên ngôi hiệu là Anh-Tôn.

Khi ấy ông Nguyễn-Hoàng có hiềm với Trịnh-Kiểm, (Kiểm giết anh ông Hoàng là ông Uông) sợ Trịnh-Kiểm âm mưu hại, không biết nghĩ kế gì cho lánh khỏi nạn, nhân người mẹ quê ở ngoại-xá cùng với ông có hương-nghị, mật sai người đem lễ đến vấn kế. Ông không nói gì, cầm gậy ra chơi vườn cảnh, trong vườn có non-bộ và có vài phiến đá nằm ngang, thấy lũ kiến leo trên hòn đá. Ông chỉ lũ kiến nói rằng: «Núi Hoành-sơn một giải cũng có thể dung thân được.» Người xứ ấy biết ý về thừa với ông Hoàng ông Hoàng xin vào trấn thủ ở Quảng-thuận, (núi Hoành-sơn thuộc tỉnh Quảng-trị) cát cứ chỗ ấy, dần dần cũng nhờ có công ông, mở mang gây nên cơ nghiệp nhà Nguyễn bây giờ.

Năm Duyên-thành thứ tám nhà Mạc ông yếu mệt, người Mạc-mậu-Hợp sai người đến hỏi thăm và hỏi việc nước sau này thế nào. Ông nói quyết tất có

đại biến, đất Cao-bằng tuy nhỏ, cũng có thể di truyền được vài đời. Sau quả thật bảy năm nữa nhà Mạc thất thế con cháu lên giữ Cao-bằng được bảy mươi năm mới mất.

Tính ông thuần-nhã, không cả dạn, nói kín đáo, lời nào cũng đích đáng, cũng có chứng nghiệm, vì thế trên vua tướng, dưới nho sinh, ai cũng kính trọng coi như là Thái-sơn Bắc-đầu vậy. Kể từ lúc hưu quan đã hơn bốn mươi năm, mình ở chỗ giang-hồ, mà lòng vẫn ở nơi làng miếu, cho nên phát ra thơ văn rất những lời ưu-thời mãn-thế, như :

*Thế gian biến cải vũng nên đồi,
Mặn nhạt chua cay lẫn ngọt bùi.
Còn bạc còn tiền còn đệ tử,
Hết cơm hết gạo hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người ngay thực,
Ai lại nào ưa kẻ dãi bôi.
Ở thế lạ thay người bạc ác,
Giàu thời tìm đến khó tìm lui.*

Chớ mỗi đường hay chẳng mỗi đường,
Làm người hãy giữ đạo cương thường.
Khế kia chua quá nên không vị,
Lan nọ thơm giai bởi có hương.
Ăn ắt hẳn hơn hờn hẳn thiệt.
Khôn thời người rái dại người thương.
Nhắn bảo bao nhiêu người ở thế,
Chẳng khôn đừng dại chớ ương ương.

...

Mời hay phú qui bởi thời vắn,
Tu xả ngay tàng thú dưỡng thân.
Hứng ý miệng ngâm câu quốc ngữ,
Giải phiền tay chuốc chén quỳnh xuân.
Đường hoa chào khách mặt nhìn mặt,
Ngõ hạng đưa người chân đá chân.
Dù có ai hạn thời sẽ nhủ,
Thái-bình thiên-tử thái-bình dân.

Ông thọ 95 tuổi, khi gần tạ thế, con cháu ngồi hầu bên ông giao cho một phong thư dặn rằng:

Ngày sau trong huyện hạt ai đỗ đại khoa, thi cầm phong thư này giao cho người ấy, chớ có mở ra xem vội.

Cách mấy năm sau trong hạt có ông đỗ đại khoa, con cháu sức nhớ đến nhờ

ông dẫn trước bèn cầm phong thư đến mừng.

Khi ấy ông đại khoa cùng phu-nhân đương ngồi uống nước, nghe tin cháu ông Trạng đến mừng, chỉnh khăn áo ra ngõ ngoài đón, khi đón vào trong nhà thời đã thấy phu-nhân bị thương, mà cây gậy lại rơi giữa chỗ ông đại-khoa ngồi cũ, may ông ra ngõ rước khách mới thoát được tai nạn. Bấy giờ cháu ông Trạng liền đưa thư ra trình rằng thư này là của ông Trạng để lại dặn đưa ông đại-khoa. Ông đại-khoa mở ra xem, thấy trong thư có chữ « *Ngã cứu nhĩ thượng lương chí ách, nhĩ cứu ngã nhất thế chi bản* » nghĩa là : Ta cứu người cái ách thượng lương, người cứu con cháu ta cái bệnh nghèo. Ông đại-khoa khen là bậc tiên tri, tặng cho con cháu ông năm mẫu ruộng.

Sau cái bia đá của ông dựng ở quán Trung-tân trong làng có bố con tên Khả làm nghề bắt ếch, nhân đào ếch đánh

đổ bia đá rồi chạy mất, đàn anh trong làng không biết vì cớ gì mà bia đổ, xem dưới chân bia có chữ đề « *Bố con tên Khả đánh ngã bia tao, phạt cò tiền tam quán* ».

Dân làng bèn đòi bố con tên Khả phải ra dựng bia lên, và phải nộp tiền phạt quan tám. Bố con tên Khả trước còn chối, sau biết là đã có chữ của ông đề ở đó, mới chịu nộp phạt.

Lạ thay, việc nhỏ việc nhớn, việc gì ông cũng đã nghị liệu đến tương-lai, đến như lời sấm ký của ông suy xét ra nhiều câu ứng nghiệm. Ông thủ soạn tập thơ Bạch-Vân hơn trăm bài, và thơ chữ nôm cũng nhiều, đến nay vẫn còn truyền tụng. Ông thọ được 95 tuổi, học trò sau tôn làm « *Thuyết-giang phu-tử* ». Ngày mất, người làng nhớ công đức lập đền thờ bốn mùa, thường vẫn hình hương sùng bái. Ông Chu-Xạ sứ nhà Thanh khen nhân-vật Lĩnh-Nam có ông Trình-Tuyền là bậc lý-học. Xem thế biết danh vọng của ông, không những lưu truyền

ở nước ta, mà lưu truyền cả nước Tàu
nữa.

Kể cũng vẻ vang cho nước ta lắm
vậy.

ÔNG NGUYỄN-HỮU-CẦU

(Tức Quận-Hảo)

Nguyễn-hữu-Cầu tức Quận-Hảo người xã Lôi-Động, huyện Thanh-Hà tỉnh Hải-dương. — Khi còn nhỏ, theo học Quận Rõng, đã có khiếu thông minh xuất-sắc lạ thường. — Một hôm nhân nhà thầy học có việc vui mừng, giết trâu làm tiệc thiết khách. Quận Rõng ra câu đối ba chữ: *Tề hoàng ngư*, một câu đối: *lai hồng nhạn*, còn Nguyễn-hữu-Cầu thì đối: *trăm bạch xà*.

Quận Rõng chê là Cầu học tốt, đối thất luật, song Cầu ứng biện lý ngay là đối nghĩa chứ không đối chữ, *giết trâu vàng* đối với *chém rắn trắng*, là có một việc thực xảy ra đời vua Hán-cao-Tổ. — Thầy nghe cho Cầu là nói phải và khen là người khí khái, sau tất có sự nghiệp vẻ vang. — Quận Rõng muốn thử tài nữa nên lại ra câu đối nôm: *mười rằm giăng náu*, *mười sáu giăng treo*, Hữu-Cầu ứng khẩu đáp: *tháng chạp sấm ra*,

tháng ba năm động. Xem thể đủ biết còn bé mà đã có khẩu khí anh hùng.

Cầu mười tám tuổi đã giỏi nghề cỡi bắn, có sức khỏe hơn người, hai tay cầm hai cối đá ném xa được ngoài trăm bước, lại giỏi nghề lội nước, từ bãi bên tả sông Bạch-đăng, sang bãi bên hữu huyện Nguyên-phong, lặn một hơi không nghỉ. Người ta gọi là *thần cá bể*. Người khỏe như voi, tiếng to như sấm, cỡi ngựa, xông vào trận tiền, thét một tiếng, quan quân binh mã kinh sợ, chạy không kịp, hai đao phát người chết như dác, ai cũng khen là Hạng-vũ tái sinh. Khi mới tế cờ khao binh, bắt kỳ-dịch trong làng sửa giỗ đèn miếu, hạ bài vị đức Thần xuống, thờ danh-hiệu của mình, không sợ thần quyền, không tin tôn giáo, chỉ biết trên có trời, dưới có đất, giữa có mình mà thôi.

Khi bắt đầu đem binh theo Nguyên-Cử ở Ninh-Xá, Cử thấy người có tài võ, đem con gái gả cho, dùng làm gia tướng, gọi là Hảo-quận-công. Một hôm giao-

chiến với quan quân bị bắt, khi gần phải chém, Quận Hảo kêu rằng :

— Các quan chém thì chém, nhưng hãy xin lập đàn chay dựng cột phướn cho tôi lễ phạt, rồi sẽ chém, để tôi được thỏa linh hồn.

Quan quân tưởng thật, sai lập đàn ở bên mé sông, Nguyễn-Cầu vào lễ phạt xong, treo lên cột phướn, quan quân đứng bọc ở dưới, thấy Cầu đọc nam-vô-a-di-dà-phật miêng niệm mấy tiếng rồi giang hai tay nhảy ra giữa sông, quan quân ngạc nhiên bỏ vây đón hai đầu, tìm mãi không thấy, ngờ đâu Quận Hảo lặn xuống lòng sông chỉ một hơi đã xa cách hai mươi dặm. Đến lúc biết thì đã thấy lên bờ cướp được ngựa phóng đi như bay, mấy trăm quân đuổi cũng không kịp.

Sau Nguyễn-Cừ bị quân Trần-Cảnh đánh thua ở Bạch-dăng, chạy về Đông-triều, lương thực hết, quân tán lạc, kế cùng phải trốn vào núi Ngọa-vân, quan

Tuần-thú là Nguyễn-Sự trình thám bắt được.

Nguyễn-Cầu bấy giờ mới phủ-dụ dư đảng rằng :

« Nguyễn-Cừ nay đã bị bắt, ta đâu
« không có tài cán gì, chỉ muốn cùng
« với lũ người, lại dựng một chiến-
« trường mới để báo thù cho Nguyễn-
« Cừ, nhưng không biết có ai đồng chí
« với ta không? Đồng chí với ta dù
« Nguyễn-Cừ chết cũng được yên hồn
« ở nơi chín suối »

Chúng nghe lời diễn-thuyết xong, đều có ý cảm-khích, vỗ tay hò reo, đều theo Hữu-Cầu cả, nên chẳng bao lâu mộ được hơn hai nghìn quân, chiếm giữ Đồ-sơn làm nơi bảo hiểm, rồi chia các đạo quân đi cướp ở xã Lão-phong huyện Nghi-dương.

Quan Thủy-đạo Đốc-linh là Trịnh-Bảng đem quân thủy đến đánh, Hữu-Cầu giả cách thua, lui quân vào đò Bát-bạc, Trịnh-Bảng đốc quân đuổi đến cửa bể Nhai-Môn, gặp mưa to gió lớn,

thuyền bát sang Đông-Ngan, Hữu-Cầu đem hơn trăm chiến thuyền kéo sang đánh, Trịnh-Bảng bị thương mười giầu, ngã phục xuống đất, nên bị bắt sống đưa về, dụ cho làm tướng, Trịnh-Bảng không chịu và mắng rằng:

« Ta cơm vua áo chúa, còn mặt mũi nào theo lũ người ».

Nói rồi bèn cắn lưỡi tự tử.

Tự đẩy Hữu-Cầu binh thế càng ngày càng to, tự xưng Đông-đạo-dại-tướng-quân, giữ các cửa bể Đồ-sơn và Vân-đồn để chống cự với chúa Trịnh.

Trịnh-Doanh sai Hoàng - công - Kỳ chuyên đốc quân bộ, Trần-Cảnh chuyên đốc quân thủy, đem đại binh đi đánh. Công-Kỳ nói với Trịnh-Doanh rằng:

« Đồn giặc ở đằng sau núi, đằng trước bể, nếu dùng quân bộ sợ không có lối vào, tất phải dùng quân thủy, và dự bị nhiều thuyền, mới có thể đánh được »
Trịnh-Doanh nghe lời, bèn sai Thủy-đạo tướng-quân là Nguyễn-dăng-Hiến hợp

quân Hoàng-công-Kỳ, đi thuyền đến vây đánh, quả được thắng trận. Hiễn kéo quân về, Hữu-Cầu thừa thế đem quân đến vây Công-Kỳ ở Thanh-Hà, Hoàng-ngũ-Phúc nghe tin, lập tức đem quân đến cứu, mới đến huyện Vĩnh-Lai bị quân Hữu-Cầu triệt đường không đi được, Tán-ly là Vũ-khâm-Lân bàn với Ngũ-Phúc rằng:

« Bây giờ đường lối nghẽn trở như thế, nếu đóng quân ở đây đợi quân cứu viện đến thì sợ chậm quá. Chi bằng ta đem một toán quân đi tắt lối khác đón đầu, một toán quân lưu đóng ở đây, hai đầu hợp lại mà đánh, thời quân Nguyễn-Cầu tất thua. »

Ngũ-Phúc khen là kế giỏi mật truyền quân trung, thừa lúc giờ tối đem một đạo quân ra cửa Ngự-Đại (thuộc huyện Thanh-Hà) rồi kéo thẳng vào sông Chanh huyện Vĩnh-Lai, tiến đánh đằng trước, Ngũ-Phúc tiến quân đánh đằng sau, hai đằng ập vào, quân Nguyễn-Cầu ở giữa, kén thế bị thua chạy tan nát cả.

Thời bấy giờ hằng năm giới làm mất mùa, tỉnh Hải-dương kém đói hơn các hạt, Hữu-Cầu thường đi ăn cướp thuyền buôn, được bao nhiêu thóc gạo đem tán cấp cho cùng đinh trong hạt ấy, vì thế nhiều người hoan-nghinh cảm phục, cho nên lắm khi bị Hoàng-ngũ-Phúc đánh thua còn trọi một mình, mà đi đến đâu cũng có người hàm mộ, chẳng bao lâu mà lại chiêu tập được mấy nghìn quân.

Trong bọn này có Nguyễn-danh-Phương rất là dũng cảm, sức địch được muôn người.

Nguyễn-danh-Phương tên là Ngũ, khi còn bé vẫn ngỗ nghịch, người xã Kiêu-sơn, tổng Hội-thượng, huyện An-lạc, trước theo đồ Tế (người Sơn-tây) đồ Bồng (người Bình-Vu) nổi binh. Cuối nam Vĩnh-hựu đồ Tế và đồ Bồng bị quân Vũ-Tả-Lý đánh bắt được, bấy giờ Nguyễn-Phương thu nhặt được dư đảng lui đóng ở Tam-đảo, giữ hiểm để chiêu binh tổng lương cho tiện,

rồi thác cơ xin với chúa Trịnh ra hàng, để làm kế hoãn binh, Trịnh-Doanh hội các triều thần lại bàn. Triều thần đều nói:

— Hiện tình ngày nay như thế, hạt Đông Nam phần nhiều về tay Hữu-Cầu chiếm cứ, nên cần phải bình phía Tây Nam, phá hết sào huyệt, khiến phương dân hạt ấy biết thanh thế của triều-đình, ơn uy của thánh chúa, như thế thời giặc Phương đã bình, giặc Cầu dầu giáo-quyết đến đâu, cũng không thoát khỏi được lưới giời.

Chúa nghe lời bèn, cho Nguyễn-danh-Phương ra hàng ở Sơn-tây. Nguyễn-Phương nhân thế chiếm giữ Việt-tri, cướp huyện Bạch-hạc, quan Đò-Đốc Sơn-tây là Văn-đình-Úc đem tinh binh đến vây, Phương nhân ban đêm, giời sương mù mịt, phá vây chạy ra Bình-xuyên, thời bấy giờ dân hạt nhiều người khổ về giặc Cử quấy nhiễu, ai cũng có lòng chán loạn, muốn giúp sức triều-đình nhưng Đình-Úc rùng rảng không quyết, vì vậy Phương mới

phủ dụ được vài vạn quân giữ đất Thanh-lạng, lại giữ huyện Tam-dương, thường đi lại sông Bạch-Hạc ăn cướp ở Tiên-phong, lương sẵn binh nhiều, trong nước lại thêm một tay kiệt-tặc nữa.

Quan Hiệp-Trấn là Hà-tôn-Huân cáo cấp, chúa Trịnh sai Nguyễn-Phiên và Bùi-trọng-Tuân đem quân đi đánh, Nguyễn-Phương thoát chạy, chúa Trịnh sai người phủ dụ về Triều, Nguyễn-Phương không tuân mệnh, gọi bộ tướng nói rằng:

— Ta đây muôn dặm kiếm cung, bốn phương hồ thỉ, anh hùng ai kém ai đâu, vào luôn ra cũi công hầu mà chi, sao bằng riêng một biên thù, thiếu gì có quả thiếu gì bá vương, chi bằng quân ta lui về giữ núi Ngọc-dộng làm căn cứ, chỗ ở làm đại đồn, lấy đất An-lăng Hương-Ngạnh làm trung-đồn, Tư-Nông Úc-Kỳ làm ngoại đồn, đồn nào cũng có cây ruộng, cấy lúa để làm cơ sở độc-lập sau này.

Nguyễn-Phương lại chiếm cả lợi quyền các mỏ ở tỉnh Tuyên-quang cùng là ché, sơn, tre, gỗ ở miền thượng-du. Vũ dực ngày thêm, khí thế ngày mạnh, tự xưng là Thuận-thiên khải vận, lập cung điện, đặt quan thuộc, xe ngựa tàn quạt nghi vệ coi như một vị Thiên-tử. Tưởng lúc ấy Nguyễn-Phương đã vẽ sẵn cái địa đồ nhà Lê ở trong óc, chỉ hiềm Phương có tài mà không có học, chí khí tưởng là một bước đến giới. Tục ngữ đã có câu : Được thời không chắc làm vua, thua mang tiếng làm giặc, chính là chỉ Nguyễn-Phương vậy.

Khi Nguyễn-Phương, thực là một tay quật cường, thua trận ở Úc-ký, Tỳ-tướng là Dương-sĩ-Long, Dương văn-Tăng đã phải ra hàng chúa Trịnh rồi, thế mà Nguyễn-Phương một mình lui về Hương-ngạnh, chiêu tập quân sĩ cùng với quan quân chống cự. Thế lực rất là mạnh. Chúa Trịnh ngày đêm lo lắng, nên một hôm gọi Nguyễn-Phiên trao kiếm cho bảo rằng :

« Ta nghe tiếng người có đảm lược anh-hùng, thiên-hạ vẫn khen là vô-dịch, vậy nên ta trao cái kiếm đây để chém đầu giặc Phương đem về cho ta, nếu không được thì sẵn có kiếm này ta chém đầu người thay đầu giặc. »

Nguyễn-Phiên vâng lời liền cỡi áo chiến bào xuống ngựa lĩnh kiếm đưa trước mặt bộ thuộc nói rằng :

« Lũ người có tên trong binh tịch ta, tức là thủ túc của ta, ngày nay là ngày ta quên mình báo nước, chính là ngày lũ người quên mình giúp ta, người nào có mẹ già con thơ, không muốn tòng quân cho lui một chỗ, còn người nào ở lại phải hết lòng hết sức vì ta báo nước, thế mới đáng là bậc nam-tử tu mi ».

Chúng nghe đều cảm động, xin đi đánh. Nguyễn-Phiên nhảy lên cật ngựa hô quân kéo vào đồn Ngọc-bội, phá được sào-huyệt của Nguyễn-Phượng, thu được khí-giới binh-lương không biết bao mà kể.

Nguyễn-Phương cỡi ngựa chạy về ẩn ở núi Độc-tôn, thế cô, bên Đông không được ứng tiếp với quân Nguyễn-Cầu nữa. Khi ấy chúa Trịnh tự Ngọc-sơn tiến binh đến đất Phê-đình, sai Bùi-thế-Đạt đem quân thảo ở Thái-nguyên kéo về Đại-từ, hội với quân Nguyễn-Phiên, ba mặt hợp đánh, Nguyễn-Phương bị thương, dảng giặc khiêng về địa phận huyện Lập-thạch, quan quân đuổi bắt được giải về hành hình ở đồn Hương-nganh.

Bấy giờ Nguyễn-Cầu đóng ở Đồ-sơn được tin Nguyễn-Phương thất bại, lại thêm Hoàng-ngũ-Phúc khiêu chiến, liền hội các tướng-sĩ khuyên nên cố công gắng sức đánh báo thù cho Nguyễn-Phương.

Quân sĩ đều vui lòng vâng lời và ra trận. Ngũ-Phúc bị thua. Tùy tướng là Trịnh-bá-Khâm chết trận. Nguyễn-Cầu bèn sang Kinh-bắc giữ đất Thọ-xương, trị đất Quý-nham đến Khê-kiều hai mé sông ở chỗ ấy đều đắp lũy cắm gỗ làm giậu,

ba trăm chiếc thuyền bày trận dưới sông, quân thế coi rất lâm-liệt. Tuần-thủ là Trần-đình-Cẩm đem quân do đường Thiết-Sơn tiến đến Trai-thị, Nguyễn-Cầu đem quân chống đánh, Trần-đình-Cẩm thua lui đóng ở Thị-cầu. Hữu-Cầu thừa thế hãm giữ Trấn-thành, Trần-đình-Cẩm cùng với Vũ-phương-Đế bỏ ấn tín chạy thoát thân.

Trịnh-Doanh được tin sợ hãi vô cùng, đương đêm phải tìm Nguyễn-Phúc hỏi ý kiến. Nguyễn-Phúc thưa, « Hữu-Cầu tự khi bại trận ở Hàn-giang, dư đảng cũng không được bao, ý Nguyễn-Cầu muốn liên tiếp với giặc Cỏ vào quấy nhiễu dân hạt ở bên sông Nhị-hà, nay tôi đóng ở Vũ-giang quân không được mấy, đem đi hạn ngũ chỗ này, thì mất chỗ kia, chi bằng ta hội hợp cả các tướng-sĩ chia làm năm đạo đánh ập vào thì mới mong giữ được toàn thắng ».

Chúa Trịnh nghe nói, liền sai lữ Trương-Khuông hợp với Ngũ-Phúc tiến đánh, tất cả mười viên Đại-tướng-

quân, chia làm năm đạo, Trương-Khuông đem một đạo quân đến đất Ngọc-lâm huyện, An-dũng, Trịnh-Phòng làm tiên phong.

Khi ấy Hữu-Cầu phục binh bốn mặt, giả cách quân mình suy nhược chịu lui. Quan quân tiến vào nơi hiểm yếu không ngờ có quân phục sô ra đánh rất kịch-liệt, Trương-Khuông thua chạy, chúa Trịnh giận đuổi Trương-Khuông về, cử Định-văn-Nhai thay. Văn-Nhai đóng quân ở Thọ-Xương. Hữu-Cầu nhân lập kế, đêm khiến người khiêng một cái xe không lái, rồi khiêng đi, nói dối bộ thuộc rằng:

— Văn-Nhai đã đi xe lại đây ước với ta ra hàng, nhưng hàng ngay thì sợ chúa Trịnh làm khổ, lụy cả đến vợ con sau này, đợi đến mai lâm trận, hấn dễ cho ta bắt, mới khỏi ngoại nghị. Vậy ngày mai giao chiến lữ người phải theo lệnh ta đừng sợ hãi gì, bắt Văn-Nhai dễ như bắt ếch.

Chúng tưởng thật, khi giáp trận Văn-

Nhai cưỡi voi đi trước, quân Nguyễn-Cầu xông vào tận nơi chực bắt sống Văn-Nhai, Văn-Nhai thần sắc không biến, hai tay múa hai gươm, chém chết kẻ mấy trăm mạng, máu dẫm cả chân voi, thế mà Nguyễn-Cầu một mình cưỡi ngựa cầm gươm, chống đánh với Văn-Nhai hơn một giờ đồng hồ, áo mặc thấm đầy cả máu, mà vẫn nghiêm nhiên không biết đau ; đến khi quân chạy cả, Hữu-Cầu bắt-đắc-dĩ phải lui ngựa chạy, lội qua sông trở về Kinh-bắc, rồi lại chạy sang Quảng-yên, chiếm giữ Hạc-động, (thuộc huyện Nghiêm-phong) sai đảng tướng là Thông trở của cải đi thuyền về tỉnh Đông, có ý đem tiền đi mộ binh, để đồ kế khôi phục. Đi giữa đường bị quân Ngũ-Phúc cùng quân Phạm-dinh-Trọng đón đánh, Thông bị chết trận.

Nguyễn-Hữu Cầu nghe tin rất thương tiếc, than vãn rất thảo nào... Hữu-Cầu mất Thông như mất tay phải nên lại lập kế sai thủ hạ là Hựu đem vàng bạc đút

cho quyền-thần là Đỗ-thế-Giải, nội-giám là Nguyễn-phương-Đĩnh nói với chúa Trịnh xin ra hàng. Chúa Trịnh ưng nhời, ban hiệu là Ninh-đông-tướng-quân, và phong cho làm Hượng-nghĩa-hầu, rồi sai Nguyễn-phi-Thắng dụ về Kinh để ủy dùng. Thời bấy giờ đình-thần ý muốn chiêu an, duy có Phạm-đình-Trọng cho Nguyễn-Cầu không thực bụng ra hàng, xin quyết đánh.

Nguyễn-hữu-Cầu được tin ấy, tức giận vô cùng, không có cách nào làm hại được Phạm-đình-Trọng, nên sai người đào mả bà cụ thân-sinh ra Phạm-đình-Trọng đổ xuống sông ..

Việc này có người báo cho Đình-Trọng biết, Đình-Trọng lấy làm oán-hận vô cùng, bèn nói với chúa Trịnh ủy binh quyền cho, quyết lấy đầu Nguyễn-Cầu treo dưới cờ trước là đặc trưng, sau là đặc hiệu...

Chúa Trịnh nghe lời khen là người khẳng-khải.

Phạm đình-Trọng phụng mệnh đi đánh, đến nửa đường gặp Nguyễn-Thắng là người chúa Trịnh sai đi dụ Nguyễn-Hữu-Cầu về kinh, Thắng nói :

Nay triều-đình có chỉ dụ với Nguyễn-Cầu về Kinh, việc gì phải đánh nữa, để sinh phiền phí.

Đình-Trọng đáp :

Người không biết, Nguyễn-Cầu với ta có thù riêng, việc đó ta đã bộc-bạch với chúa Trịnh rồi, ta nay vâng mệnh đi đánh giặc, người vâng mệnh đi chiêu hàng, người cũng hết bốn phần người, mà ta cũng xin hết bốn phần ta, nhưng công việc của ta làm, người đừng ngăn trở sự gì, đừng tiết lộ sự gì, kéo anh em mình sau này thành ra phản đối nhau.

Thắng nghe nói thất sắc, bèn từ giã ra đi, cầm tờ dụ đến dinh Hữu-Cầu với về Kinh, và thuật lại lời Phạm-đình-Trọng cho Hữu-Cầu nghe. Nói vừa rất thì Đình-Trọng đã kéo quân đến, Nguyễn-Cầu suất quân chống lại song vì

không phòng bị nên bị thua.

Phạm - đình - Trọng được trận nên Chúa Trịnh sai ra trấn thủ ở Sơn-nam. Còn Hữu-Cầu thì về đóng ở Cẩm-giang. Đình-Trọng đem quân đánh phá, Hữu-Cầu lại bị thua lần nữa nên lui về phía Sơn-Nam. Ở đấy Hữu Cầu cùng với Hoàng-văn-Chất hợp làm một đảng, thường đánh cướp huyện Thần-Khê, Thanh-quan. Đình-Trọng lại đốc quân đến đánh, đuổi đến xã Lộng-kê, huyện Phú-dục, Hữu-Cầu phải chạy về Vĩnh-lại, Đình-Trọng lại đốc quân đánh phá sạch cả dư-đảng, Văn-Chất phải chạy vào Thanh-hóa, Nguyễn-Cầu thì chạy vào Nghệ-an. Hữu-Cầu lại gặp được đảng Nguyễn-Duyên giúp cho binh lương và đóng ở Hương-Lâm.

Đình-Trọng đem đại binh vào Nghệ-an đuổi đánh, Nguyễn-Cầu thế rất quần-bách, không còn kế nào nữa kêu lên rằng:

« Giời cao đất rộng, há không có chỗ nào dung thân, thương cá chậu chim lồng, nghĩ đến bước anh hùng thêm

ngán nổi, giời đã sinh ra ta, sao lại sinh ra Đình-Trọng, thôi ta đành trở về tỉnh Đông để thu thập những dư tốt, quyết cùng với Đình-Trọng huyết chiến một phen. »

Được vài ba ngày Nguyễn-Hữu-Cầu cùng với hai mươi người thủ hạ đáp thuyền thẳng buồm về phương Đông. song lại gặp sóng to gió lớn, thuyền không đi được, phải lên bộ đi lối tắt ẩn núp ở núi Hoàng-mai, trong mấy ngày không cơm không cháo, chỉ ăn hoa quả độ thân, tai nghe thấy chim kêu vượn hót, như giục lòng sầu, mắt trông thấy mây mịt khói mù, như hun ruột nóng. Bấy lâu bề sở sông ngô tung hoành, đến bây giờ chí khí, hi vọng của mình, thành ra nguội lạnh, giời không cho làm, chống lại sao được với giời!...

Chẳng bao lâu bị phải tay thuộc-tướng Phạm-dinh-Trọng là Phạm-dinh-Sĩ đem quân vây Hoàng-mai bắt được đưa về nộp chúa Trịnh ở chỗ quân thứ đất Xuân-hi (thuộc huyện Kim-anh).

Khi Nguyễn-Cầu bị bắt có bài cảm-
khải đề ngụ ý mình :

« Chim trong lồng.
Nhất lung thiên địa trường thân tiêu,
Vạn lý phong vân cử mục lân.
Hỏi sao sao lụy cơ trần,
Bận tài bay nhầy sót thân tang bông.
Nào khi vỗ cánh rửa lồng,
Hót câu thiên túng trong vòng lao lung.
Chim oanh nọ vẫy vùng giậu Bắc,
Đoàn loan kia túc tắc cảnh Nam.
Mặc bay đông ngữ tây đàn
Chờ khi phong tiện rút rào vân hung.
Bị thẳng cánh muốn trùng bích Hán.
Phá vòng vây bạn với kim ô.
Giang sơn khách diệc tri hồ . »

Trịnh-Doanh bắt được Nguyễn-hữu-
Cầu, mở tiệc khao quân, sai Nguyễn-
Cầu thổi kèn, Nguyễn-Phương dâng
rượu, ba quân cầm đao đứng bọc
sung quanh, vô tay vang như sấm động.

Đoạn rồi giải về kinh đem đến trước
Thái-miếu làm khải-hoàn, Hữu-Cầu
muru chực vượt ngục, chúa Trịnh liền

sai đem chém. Lúc hành hình, Hữu-Cầu mặt vẫn nhơn nhơn, trơ như đá, vững như đồng, không có chút chi dụn sợ...

Dân hạt Đồ-sơn nhớ đến người anh-hùng nên lập miếu thờ trên núi, hàng năm mồng mười tháng tám có hội chọi trâu, bao giờ đến ngày ấy cũng mưa to gió lớn, cho nên ngạn-ngữ có câu rằng:

Dù ai buôn trâu bán trâu,
Mồng mười tháng tám chọi trâu thi về;

Nghĩa là ngày hôm ấy mưa gió to, nhưng người buôn bán phải nên đề-phòng.



NÀNG BUI-THỊ-XUÂN

(Tức là vợ ba Cai-Vàng)

Triều vua Tự-đức Nguyễn-Thịnh người phủ Lạng-giang tỉnh Bắc-ninh, nhà giàu thừa tiền dư bạc, khi làm Cai-tổng tục là Cai-Vàng có ba vợ, vợ thứ ba tên gọi là Bui-thị-Xuân. Đương bấy giờ trong Nam thời nước Pháp đã lấy lục tỉnh, ngoài Bắc thời bên ngoài có giặc Tàu là Lưu-vĩnh-Phúc hiệu cờ Đen, Hoàng-sùng-Anh hiệu cờ Vàng, bên trong thời Tạ-phụng-Mao xưng con cháu nhà Lê nổi loạn ở tỉnh Hải-dương, Nguyễn-Thịnh thừa cơ âm mưu phản nghịch. Nhân gặp được Lê-duy-Uẩn cùng với Cao-bá-Quát (cử-nhân người Phú-thụy, Gia-lâm) làm loạn, chẳng may việc không thành, Bá-Quát bị tử, còn Lê-duy-Uẩn thoát được, bên cùng với giặc Thổ tỉnh Tuyên-quang là Nông-hùng-Thạc và giặc Tàu là Hoàng-sùng-Anh hợp binh đánh tỉnh Tuyên-quang. Bố-chính Nguyễn-tất-Tổ không địch nổi phải bỏ

thành chạy. Nguyễn-Thịnh muốn lấy thanh-thế của Lê-duy-Uân để thi-hành trí-nguyên bèn cử Lê duy-Uân làm chủ, tự xưng làm Nguyên-sủy, mượn tiếng phủ con cháu nhà Lê để đi mộ quân. Trong bảy ngày mộ được một vạn ba nghìn người và ngày mồng 3 tháng sáu năm Nhâm-tuất, Nguyễn-Thịnh tế cờ khao quân.

Khao quân xong, định ngày mồng 8 đi đánh phủ Lạng-giang. Lúc gần đến nơi, Cai-Vàng cùng các binh-sĩ sợ quan quân không dám tiến vào phủ, vợ ba là Bùi-thị-Xuân mới 27 tuổi, vận binh-phục hai tay hai đao, nhảy lên ngựa đi trận tiền, hô quân tiến vào phủ Lạng-giang, xong sang đánh huyện Yên-dũng, chúng đều kinh phục.

Khi Cai-Vàng đã chiếm được phủ Lạng-Giang, lấy nơi ấy làm đồn sở, mưu đồ việc phò nhà Lê.

Một hôm Cai-Vàng gọi vợ Cả và hai Thiếp ra hỏi ý-kiến.

Vợ Cả đáp :

— Nay muốn đồ đại-sự mà binh-lương chưa dự bị, một mai quan quân kéo đến liệu sức mình có thể chống được không, khác gì châu chấu đá voi, tôi lấy làm nguy cho tướng-quân lắm.

Vợ thứ Hai can rằng :

— Thiếp nghe cổ-nhân cổ câu : Biết thời sự mới là hào-kiệt, khi gặp thời gặp vận, giới cho làm nên thời không phải hao binh tổn tướng cũng giúp yên thiên-hạ, nếu giới chưa cho làm mà lại miễn cưỡng cứ làm thời không những vô ích mà lại thiệt hại đến tính-mệnh. Và tướng-quân đây không thiếu gì tiền bạc ngồi mà ăn chơi cũng đủ phong-lưu cũng đủ danh-giá, can gì lại hi dẫm những sự cao viển.

Chỉ riêng có vợ Ba tức là Thị-Xuân nghe rất lời liền nói :

— Hai chị dạy như thế cũng là quá phải nhưng ý-kiến em lại khác ; kể tuổi e

không bằng hai chị, chắc lời em nói sợ trái tai hai chị và không biết có hợp ý-kiến với tướng-quân không, nên chưa dám nói.

Nguyễn-Thịnh cố gan hỏi :

— Ý-kiến thế nào cứ nói, nên thì ta nghe, không nên thì thôi có ngại chi mà không nói ?

Thị-Xuân thưa rằng :

— Tôi trộm nghĩ thời thế tạo ra anh-hùng lại có khi anh-hùng tạo nên thời-thế, nếu ngồi mà đợi thời thế thì đời nào có anh-hùng. Như tướng-quân đây tiền của không thiếu, gặp thời thế mà không làm thời đề của có ích gì ?

Của đời muôn sự của chung.

Hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi.

• Xem như Vương-Khải, Thạch-Sùng, ngày xưa giàu có hàng ức hàng triệu đến lúc hết cũng hết, vậy nên biết người ta ở đời không nên trọng của phải nên trọng danh.

Danh là gì ? Danh tức là việc nghĩa vậy. Nghĩa không gì bằng giúp nhà Lê để

giệp loạn. Nay Bùi-Ái (Cử-nhân người ở Đông-dối, huyện Phong-doanh) là Tổng-đốc Tam-Tuyên bị chết trận ở huyện Thạch-thất, Tạ-Phụng vây đánh Hải-dương, Trương-quốc-Dụng (tiến-sĩ người xã Phong-phú huyện Thanh-Hà). Đào-Trí (người Nam-kỳ) bị ách ở Bình-giang, như thế thời đủ biết quan quân suy nhược, gặp cơ hội mà chưa làm còn đợi đến bao giờ, vả tướng-quân đã chiếm được Bình-giang, thanh-thế lừng lẫy trong Nam ngoài Bắc, giọc ngang giới đất nào còn sợ ai, thiếp xin một thanh đao, một con ngựa, thử địch với quan quân một phen nữa, xem thắng phụ thế nào, thiếp lại xin tướng-quân bỏ tiền mộ thêm tướng-sĩ cho nhiều, thiếp lưu ở đây truyền hịch cho quân sĩ và quốc-dân biết rằng: nay tướng-quân ra binh để phủ nhà Lê, chính là vị công-nghĩa chứ không phải là vị danh-lợi, nếu không may lòng giời chẳng tựa nhà Lê, dù có nát thịt tan xương cũng được lưu danh thiên-cổ.

Cai Vàng nghe lời rất biểu đồng tình,

và mừng thầm là được người vợ có thể giúp mình làm nên sự-nghiệp. — Cai-Vàng cho Thị-Xuân tự-ý tổ-chức các việc binh đao, còn mình thì phụ trợ.

Thị-Xuân được quyền bèn ra lệnh cho ba-quân :

« Lê-Duy-Uẩn là giòng dõi nhà Lê, Nguyên-sủy cùng ta đây, hết lòng trung nghĩa quên mình để báo nước, nên phải đem quân ra dẹp loạn, quân-sĩ ai theo ta, phải hết sức giúp ta nếu được công trạng thời ta đặc-cách ân-thưởng nếu ai có lòng quyến luyến vợ con muốn ở nhà thì ta cũng không cưỡng bách. »

Chúng nghe lời đều khen là người tài giỏi, đàn-bà mà có khí-phách trượng phu, nữ-nào bọn râu mày lại chịu hèn nhát, nên vui lòng tình nguyện đầu quân cả.

Thị-Xuân được quân-sĩ hàm-mộ, cất quân đến đánh thành Bắc-ninh. Nguyễn khắc-Thuật (Cử-nhân xã Thiết-bình, huyện Đông-ngàn, làm Bố-chính Hanoi) Lê-Ru (Cử-nhân xã Cồ-ngư, huyện La-

sơn, là Bồ-chính Sơn-tây), Vũ-Tảo (Lãnh-binh Hưng-yên) nghe tin cáo cấp đem quân đến cứu-viện.

Thế-quân của Nguyễn-Triều to quá, Cai-Vàng thương lo là Thị-Xuân không địch nổi nên khuyên Thị-Xuân lui về giữ Bình-giang. Thị-Xuân không nghe và đáp :

— Sách có chữ *Kiến nghĩa bất vi vô dũng* đã lại có chữ *Ngộ địch bất đấu phi phu* đã nghĩa là thấy việc nghĩa không làm không phải là dũng-cảm, gặp giặc không đánh thời không phải là trượng-phu. Trượng-quân vốn là dũng-cảm trượng-phu mà lại sợ chết hay sao ? Thiếp xin thay mặt trượng-quân liều mình ở chỗ chiến-trường.

Cai-Vàng biết Thị-Xuân là người có khí-khải nên để mặc cho sử sự. Thị-Xuân được thể liền cưỡi ngựa đem quân-sĩ bày trận ở Bình-nguyên để đợi quan-quân đến giáp chiến. Khi quân của Nguyễn-Triều đến, Thị-Xuân sai

người truyền loa to lên rằng :

— Ta là vợ ba Cai Vàng, quan quân có dám cùng ta quyết chiến không? Nếu bắt sống được ta mới là tay giỏi, nếu không bắt sống được ta thời trận này chưa biết ai thua ai được, mà lộc thiên-hạ chưa biết về tay ai.

Quan quân nghe tiếng Thị-Xuân là người tài giỏi, bèn sai lãnh-binh Vũ-Tảo đi tiên-phòng, tiến quân đuổi đánh đến thành Bắc-ninh. Thị-Xuân kém thế thua trận cùng với chồng kéo quân lui đóng ở phủ Bình-giang.

Triều-dinh được tin là bọn Cai Vàng vẫn chưa trừ diệt được và nếu không quyết chiến một phen cứ nay chờ mai đợi, tất thế lực càng ngày càng bành trướng, lúc bấy giờ mà có muốn giúp yên chàng nữa cũng phải tốn công phí của.

Bởi vậy nên hạ sắc cho Tôn-thất-Hàn sung chức Tổng-dốc quân-vụ đại-thần, đem chín đội quân ra Bắc tuần-tiêu.

Vũ-Tảo được phong làm tiên-bộ tiên-phong.

Năm ấy mùa thu tháng chín, Thị-Xuân thừa lúc đại-binh chưa tới, lại kéo binh-mã vây thành Bắc-ninh. Song Vũ-Tảo đã đến trước, ở trong thành nhìn ra lại thêm ngoài thành dân-phu rèo lên nóc nhà rờ ngói lấy gạch ném xuống như mưa, Thị-Xuân biết quân mình không thể chống được, liền dẫn binh sang Gia-lâm toan kéo qua sông Bồ-đề tiến đến thành Hanoi. Nhân nước sông lên to không có thuyền sang ngang nên lại phải kéo về Bình-jiang.

Kịp lúc ấy, quân trong Đô ra vừa tới, quân ở Bắc hợp với quân ở Kinh giữ thủ Thuận-thành làm tướng dinh. Tôn-hất-Hân đốc xuất tướng-sĩ cùng với Thị-Xuân quyết chiến. Hai bên trông ánh giao binh đã ba ngày, Thị-Xuân trong mình mỗi mệt đã chông thay. Nguyễn-Thịnh dương tàn ngời trên cật

ngựa, tả hữu quân sĩ bọc sung quan
quan quân nhằm bắn, đạn xuống nh
mưa, quân sĩ chết vô số mà Nguyễn
Thịnh cứ nghiêm nhiên ngồi trên mìn
ngựa không phải hòn đạn mũi t
nào, quan quân lấy làm kinh sợ. Nh
có nội công của Nguyễn-Thịnh b
rằng Nguyễn-Thịnh có thần-ngọc (c
đeo trong mình nên lâm trận t
đạn không phạm vào mình được, ph
đúc đạn vàng mới bắn trúng. Quan qu
nghe lời đem đạn vàng ra bắn, Nguy
Thịnh đang ngồi trên mình ngựa
đạn xuống đất, bất tỉnh nhân sự, qu
linh vội cưỡi chạy về trại. Dẫn d
Nguyễn-Thịnh hỏi lại, thấy Thị-Xu
bên mình, cầm nước mắt không được,
chứa chan, nói :

— Ta nay cùng với nàng mưu đại s
tướng đồ bì tranh vương, chẳng may
có mệnh nào, việc quân quốc ta trông c
ở nàng, nhưng ta thương nàng thân ph
dân-bà, sau này biết có ai đồng

à để mưu việc to.

Thị-Xuân nghe lời cảm-động vô cùng
áp :

— Xin chàng yên nghĩ, công việc thiếp
in tự dương, xưa nay anh hùng đồ sự
uộc làm vua thua mang tiếng làm
iặc, sự thành bại có kẻ chi, may mà
ưong quân còn ở lại để thiếp cùng giải
ổ can trường, chẳng may giới không
ưa tướng-quân, thiếp quyết xin chỉ thề
on nước để báo thù cho tướng-quân
uộc yên linh-hồn ở chín suối. Và
thiếp trộm nghĩ những bậc anh-hùng
ào-kiệt đa ngựa bọc xương còn hơn
những người nằm mà chịu chết ở
trong tay nhi-nữ Thiếp xin tướng-
quân yên nghĩ thuốc thang may mà
khỏi được chẳng là hạnh phúc lắm
ru !

Nguyễn-Thịnh nghe nàng nói cảm lòng
không được gạt nước mắt, nửa khóc nửa
cười, cười rồi lại khóc, nghẹn ngào
nói không ra lời :

— Ta nay đau lắm, khó bề qua khỏi, vậy chị em bảo nhau thu việc tổng táng ta cho phải lễ, ấy là lòng sở nguyện của ta . . .

Đêm hôm ấy Nguyễn-Thịnh tạ thế. Thị-Xuân vật vã thương khóc rất thê thảm...

Ma chay xong, Thị-Xuân chiêu tập dư đảng quyết một phen báo thù cho chồng...

Đến mùa xuân năm sau, Phan-Hữu-Dung, Nguyễn-Hữu-Tạo thu phục được lĩnh thành, bắt được Lê-duy-Uần bỏ cũi đưa về kinh, còn Vũ-Tảo thì ở lưu lại phòng giữ giấc già, quân sĩ cũng thối về cả.

Thị-Xuân thừa lúc quan quân không dự bị, đem binh khơi chiến, Vũ-Tảo cậy sức mạnh cỡi ngựa đi tiên-phong, Thị-Xuân mưu với quân sĩ giả cách thua chạy, nhưng đã phục binh sẵn một chỗ, Vũ-Tảo tiến binh đuổi đánh không ngờ bị phải quân phục của Thị-Xuân bắt được.

Thị-Xuân cầm thanh đao trở mặt Vũ-Tảo bảo rằng : Mi tưởng ta là bọn nhĩ-nữ không có thể bắt sống được mi hay sao ? Tính mệnh mi nay ở trong tay ta, mi còn kể gì thoát được mi nói, ta sẽ tha cho.

Ồ-Tảo không chịu nói, điềm nhiên như không.

Thị-Xuân sai quân lấy vải quần sung quanh mình, dội dầu đốt làm nển tể chồng ba ngày, xong cho quân về nhà nghỉ-ngơi yên-nghiep.

Thị-Xuân đã báo thù cho chồng rồi, bèn đi tu. Phàm các chùa ở miền Bắc-ninh, miền Thanh-hóa chỗ nào cũng qua chơi vãng cảnh, kinh-kệ nhà Phật đều tinh thông. Sau Tôn-thất-Thuyết ra Bắc-kỳ nghe tiếng Thị-Xuân thiếu thời đã có can-dảm, mặt sức hể ai bắt được thì trọng thưởng, có người nội công biết chỗ Thị-Xuân trụ-trị mật báo quan quân vây bắt đem nộp. Tôn-thất-Thuyết toan đem Thị-Xuân ra chém.

Thị-Xuân thú tội : Ngay lúc chồng tôi còn, thật có ý phản-đối với Triều-dinh nhưng tự khi chồng tôi chết đến nay đã biết tỉnh ngộ, giốc lòng tu-tĩnh không dám làm sự gì phạm phép, xin quai tha cho cái chết.

Tôn-thất-Thuyết hỏi : Cầm, sổ, độn mục có giỏi nghề gì không?

Thị-Xuân đáp : Tôi cũng có biết cả nhưng không được tinh, chỉ có thạo nghề xem giờ.

Ông Thuyết sai người bắt gà giết, lấy hai chân đưa cho xem, Thị-Xuân đoán việc dĩ-vãng và việc tương-lai không sai chút nào, ông Thuyết tâm phục tha cho về, Thị-Xuân lại về ở chùa chăm nghề kinh kệ, nhưng gặp ai nói đến việc nghĩa cử vẫn còn khảng khái hùng hào như lúc còn đầu xanh tuổi trẻ. Thời bấy giờ có bài ca vợ ba Cai Vàng đến nay vẫn còn truyền tụng. Kể ra cũng vẻ vang cho bạn nữ giới nước nhà.

Quyển thứ hai sẽ in tiếp theo.

Sách sắp xuất-bản

Nói có sách I

Thời bệnh luận II

Danh-nhân dật-sự II



SÁCH CỦA
— QUỐC-HOA TÙNG-SAN —
xuất-bản
đều do
QUỐC - HOA THƯ - QUÁN
— 115, Phố Hàng Bông, 115 —
— HANOI —
— PHÁT-HÀNH —

Inp. Long-Quang — Hanoi